TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2018
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lưu Hải Đăng**
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Châu Đông Dương
2/. Bà Dương Thị Hà
Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Mộng Nghi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông **Trần Trung Kiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2017/TLST-HN ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp TA, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Đinh Văn T (A), sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp TA, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N có mặt tại phiên tòa,anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hồ Thị N và bị đơn anh Đinh Văn T (A) thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị N và anh Đinh Văn T (A) cùng thống nhất xác định vợ chồng anh chị cưới nhau vào khoảng năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn được cấp ngày 08/10/2003.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Hồ Thị N xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng cách đây khoảng 02 năm thì vợ

chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do anh Đinh Văn T (A) thay đổi tính tình, thường xuyên ăn nhậu và về nhà kiếm chuyện chửi bới hành hung, đánh đập chị. Thậm chí anh Đinh Văn T (A) còn nhiều lần chửi bới xúc phạm cha mẹ chị. Vào khoảng tháng 02/2016 khi chị bị té xe phải vào bệnh viện điều trị thì chồng chị cũng không quan tâm chăm sóc. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 02/2016 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh Đinh Văn T (A).

Anh Đinh Văn T (A) xác định: vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 14 năm. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, đôi lúc thì cũng có cãi nhau, nhưng đó cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng. Nhưng vào khoảng tháng 02/2016 thì không biết lý do vì sao vợ anh lại bỏ nhà đi đến nay. Trong thời gian 02 năm qua anh không biết vợ anh ở đâu, nên anh không có tìm kiếm, vợ anh cũng không có trở về lần nào. Nay vợ anh quay về xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý, vì anh vẫn còn thương vợ con, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: chị Hồ Thị N và anh Đinh Văn T (A) thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 03 người con chung tên Đinh Thị Hồng K, sinh ngày 19/01/2003, Đinh Duy T, sinh ngày 18/12/2006 và Đinh Gia B, sinh ngày 22/8/2013. Hiện nay cả ba người con đang sống cùng với anh Đinh Văn T (A).

Khi ly hôn chị N xác định chị đồng ý giao cả ba người con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh T (A) xác định nếu Tòa án giải quyết cho vợ anh được ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cả ba người con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: chị N và anh T (A) thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị, khi ly hôn anh chị không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị N xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T (A). Chị N xác định chị không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật, riêng đối với bị đơn là chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Giữa chị N và anh T (A) kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn với anh T (A).

Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng chị N và anh T (A) ly thân với nhau thì cả ba người con đều do anh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh T (A) vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Quá trình tố tụng thì chị N và anh T đã thống nhất thỏa thuận giao cả 03 người con cho anh T (A) được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Sự thỏa thuận của chị N và anh T (A) cũng phù hợp với nguyện vọng của những người con của anh chị. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cả 03 người con tên Đinh Thị Hồng K, sinh ngày 19/01/2003, Đinh Duy T, sinh ngày 18/12/2006 và Đinh Gia B, sinh ngày 22/8/2013 cho anh T (A) được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh T (A) không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị N và anh T (A) thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có tài sản sản chung, không có nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị, khi ly hôn anh chị không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: chị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T (A). Anh T (A) có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh T (A) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T (A) vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T (A).

Về nội dung vụ án: chị N và anh T (A) kết hôn vào khoảng năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền vào ngày 08/10/2003 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân hiện tại của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T (A) thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị N và anh T (A) lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân từ khoảng tháng 02/2016 đến nay. Hiện nay anh chị mỗi người ở một nơi, chị N thì ở nhà cha mẹ ruột chị N, còn anh T (A) thì về nhà cha mẹ ruột anh T (A) sinh sống. Trong thời gian qua cả hai

anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa chị N vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T (A), chị xác định hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh T (A), nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía chị N xác định hiện tại chị đã không còn tình cảm gì với anh T (A), như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị N và anh T (A) là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T (A) là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng chị N và anh T (A) ly thân với nhau thì cả ba người con đều do anh T (A) trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh T (A) vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Quá trình tố tụng thì chị N và anh T (A) đã thống nhất thỏa thuận giao cả 03 người con cho anh T (A) được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Sự thỏa thuận của chị N và anh T (A) cũng phù hợp với nguyện vọng của những người con của anh chị. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 03 người con tên Đinh Thị Hồng K, sinh ngày 19/01/2003, Đinh Duy T, sinh ngày 18/12/2006 và Đinh Gia B, sinh ngày 22/8/2013 cho anh T (A) được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Anh T (A) không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh T (A) thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có tài sản sản chung, không có nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng anh chị, khi ly hôn anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N. Xử cho chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn T (A).

2/. Về nuôi con chung: giao cả 03 người con tên Đinh Thị Hồng K, sinh ngày 19/01/2003, Đinh Duy T, sinh ngày 18/12/2006 và Đinh Gia B, sinh ngày 22/8/2013 cho anh Đinh Văn T (A) được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh T (A) không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: chị Hồ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006709 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Hồ Thị N biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Đinh Văn T (A) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã Long Điền
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;